

Số: 2339 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền Địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 10915/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 590/TTr-STNMT ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Kết luận thẩm định hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Biên Hòa tại Thông báo số 151/TB-HĐTĐQHKSĐĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Biên Hòa tại Quyết định số 5383/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ 5383/QĐ-UBND (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
				Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.866,25	6.827,59	-38,66
1.1	Đất trồng lúa	LUA	42,14	42,14	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>42,14</i>	<i>42,14</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.634,11	2.615,23	-18,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.760,65	3.751,08	-9,57
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	148,07	148,07	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	251,76	241,55	-10,21
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	29,52	29,52	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19.495,77	19.534,43	38,66
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4.282,81	4.282,81	-
2.2	Đất an ninh	CAN	86,34	86,34	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.975,66	1.662,87	-312,79
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	123,35	123,35	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	560,51	635,70	75,19
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	811,59	810,20	-1,39
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	414,01	414,01	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.699,67	3.827,18	127,51
	- Đất giao thông	DGT	2.480,26	2.555,55	75,29
	- Đất thủy lợi	DTL	108,09	108,06	-0,03
	- Đất cơ sở văn hoá	DVH	35,24	42,31	7,07
	- Đất cơ sở y tế	DYT	92,41	105,63	13,22
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	329,23	361,19	31,96
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	152,53	154,07	1,54
	- Đất công trình năng lượng	DNL	18,61	18,54	-0,07
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	3,10	3,10	-
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	11,78	11,78	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,30	21,30	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	183,53	183,60	0,07

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Chi tiêu được duyệt tại QĐ 5383/QĐ-UBND (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022	
				Chi tiêu điều chỉnh* (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	220,96	218,95	-2,01
	- Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	17,67	17,67	-
	- Đất chợ	DCH	14,05	14,52	0,47
	- Đất hạ tầng khác	DHK	10,91	10,91	-
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	45,96	45,96	-
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,99	6,26	0,27
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	279,17	357,10	77,93
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	361,44	361,44	-
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	4.765,26	4.825,95	60,69
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,12	67,90	19,78
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	14,12	14,38	0,26
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	16,15	16,15	-
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.751,62	1.750,51	-1,11
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	254,00	246,32	-7,68
3	Đất đô thị*	KDT	25.199,96	25.199,96	-

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên
(Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục I kèm theo).

2. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất năm 2022:

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Chi tiêu được duyệt tại QĐ số 5383/QĐ-UBND (ha)	Chi tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp	1.131,05	1.193,08	62,02
1.1	Đất trồng lúa	466,11	483,44	17,33
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	282,40	297,37	14,97
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	210,19	228,01	17,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	378,05	397,26	19,21
1.4	Đất rừng sản xuất	27,37	27,41	0,04
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	49,32	56,95	7,63

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Chi tiêu được duyệt tại QĐ số 5383/QĐ-UBND (ha)	Chi tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
2	Đất phi nông nghiệp	306,71	652,01	345,30
2.1	Đất quốc phòng	10,02	10,02	-
2.2	Đất an ninh	0,31	0,43	0,12
2.3	Đất khu công nghiệp	1,90	232,67	230,77
2.4	Đất cụm công nghiệp	2,78	2,78	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	0,27	0,27	-
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	15,34	39,73	24,39
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	5,29	5,79	0,50
2.8	Đất phát triển hạ tầng	45,65	107,24	61,59
	- Đất giao thông	34,56	91,52	56,96
	- Đất thủy lợi	5,03	5,20	0,17
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	0,91	0,91	-
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,86	0,93	0,07
	- Đất công trình năng lượng	-	0,88	0,88
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	0,01	0,01	-
	- Đất cơ sở tôn giáo	0,38	0,38	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	3,87	7,36	3,49
	- Đất cơ sở dịch vụ xã hội	0,03	0,03	-
	- Đất chợ	-	0,02	0,02
2.9	Đất ở tại nông thôn	0,24	0,24	-
2.10	Đất ở tại đô thị	100,12	123,84	23,72
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,48	4,21	2,73
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,19	0,67	0,48
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,33	0,33	-
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	122,78	123,78	1,00

(Phân bổ chỉ tiêu thu hồi đất theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022.

a) Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng:

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ 5383/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	937,80	976,46	38,66
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	56,59	56,59	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1,07	1,07	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	396,60	415,48	18,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	435,97	445,54	9,57
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	48,64	58,85	10,21
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	127,00	244,42	117,42

(Phân bổ chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục III kèm theo).

b) Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính:

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt tại QĐ 5383/QĐ-UBND (ha)	Chỉ tiêu điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-) (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1.487,61	1.554,45	66,84
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	575,70	597,16	21,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	337,60	355,10	17,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	238,72	254,52	15,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	520,66	541,60	20,94
1.4	Đất rừng sản xuất	82,74	82,78	0,04
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	69,79	78,39	8,60
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	130,44	259,14	128,70

(Phân bổ chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính theo đơn vị hành chính cấp xã tại Phụ lục IV kèm theo).

4. Bổ sung số lượng 16 dự án trong năm 2022 (theo Tờ trình số 10915/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa).

Đính kèm Bản đồ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Biên Hòa và Bản đồ bổ sung khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 thành phố Biên Hòa

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa có trách nhiệm:

1. Công bố, công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tỉnh ủy (b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (27b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục 1
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
Được thông qua tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân Thành phố Biên Hòa, ngày 29/3/2022

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Bình Đa	Phường Bưu Hòa	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn	Phường Cầu Ông Thìn
-----	----------------------	----	---------------------	----------------	---------------	----------------	----------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------	---------------------

3. Đất phi nông nghiệp khác

Đơn vị tính: ha

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Năng lực Quốc gia định số 2.2.3.9 QD-LBNĐ ngày 1 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: ha

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																														
				Phường An Bình	Phường Bình Đa	Phường Bình Hòa	Phường Bình Long	Phường Bình Mỹ	Phường Bình Tân	Phường Bình Thọ	Phường Hòa Bình	Phường Long Bình	Phường Long Bình Tân	Xã Long Hưng	Phường Phước Tân	Phường Quảng Vinh	Phường Quới Thành	Phường Tân Hiệp	Phường Tân Hòa	Phường Tân Phước	Phường Tân Thuận	Phường Tân Thành	Phường Tân Hiệp	Phường Tân Hòa	Phường Tân Mai	Phường Tân Phong	Phường Tân Tiến	Phường Tân Yên	Phường Thạnh Thới	Phường Thạnh Trung	Phường Trung Dũng			
1	Đất nông nghiệp	NNP	1.193,08	13,14	100,02	-	11,21	29,44	50,77	2,50	10,20	0,58	2,93	11,24	0,20	248,26	2,24	0,76	16,08	-	560,42	3,54	0,70	1,31	0,77	8,79	26,67	0,01	7,22	-	53,18	4,55	2,43	
1.1	Đất trồng lúa	L1A	483,44	1,24	51,76	-	1,77	12,55	17,50	-	5,54	-	0,02	1,06	-	131,90	1,37	0,14	-	-	241,07	-	-	-	-	-	-	-	-	0,26	-	17,27	-	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	L1C	297,37	0,59	20,84	-	0,06	9,74	1,09	-	3,12	-	-	0,56	-	6,87	1,37	0,07	-	-	226,22	-	-	-	-	-	-	-	-	0,26	-	16,77	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	H1K	228,01	5,13	17,43	-	2,14	13,14	11,82	1,61	2,79	0,33	0,97	0,56	0,20	45,77	0,37	0,26	10,30	-	67,58	1,73	0,01	0,49	0,06	5,11	18,08	-	1,84	-	18,10	2,20	-	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	L1N	397,26	2,86	22,46	-	4,73	24,12	14,38	0,88	0,95	0,25	1,94	6,62	-	54,67	0,50	0,25	3,72	-	223,40	1,12	0,69	0,82	0,66	2,80	8,59	0,01	4,88	-	11,40	2,14	2,43	
1.4	Đất rừng sản xuất	R1S	27,41	-	0,04	-	-	0,86	-	0,01	-	-	-	-	-	9,44	-	-	-	-	17,54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,77	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	N1S	56,95	3,91	11,33	-	2,59	0,17	7,07	-	0,92	-	-	3,00	-	6,49	-	0,11	2,05	-	10,83	0,70	-	-	0,05	0,88	-	-	0,24	-	6,40	0,19	-	
2	Đất phi nông nghiệp	P1N	652,01	323,10	10,99	1,45	5,32	11,85	7,69	1,55	7,59	1,24	9,71	9,30	1,92	50,20	3,79	4,04	6,15	-	121,28	1,21	0,07	0,07	3,38	10,41	0,55	-	2,32	-	51,75	3,09	1,98	
2.1	Đất quốc phòng	Q1P	10,02	-	-	-	-	3,00	-	-	-	-	-	-	-	-	3,36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.2	Đất an ninh	A1N	0,43	0,12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.3	Đất khu công nghiệp	K1C	232,67	230,77	-	-	-	-	-	-	-	-	0,55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	2,78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	39,73	24,66	0,63	0,37	1,03	0,12	-	-	3,04	-	1,07	0,00	-	0,47	-	2,00	0,07	-	2,57	0,01	-	-	2,85	-	-	-	0,02	-	0,82	-	-	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	5,79	0,02	0,04	-	2,34	-	-	-	0,13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,34	-	-	-	-	-	-	-	-	0,91	-	0,01	-	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng	D1T	107,24	55,78	2,15	-	1,13	3,02	2,34	0,17	0,74	1,24	1,67	0,37	0,91	4,34	-	1,86	1,05	-	13,83	0,08	-	0,06	0,00	1,36	-	0,54	-	13,25	0,71	0,64	-	-
	- Đất giao thông	D1T	91,52	54,00	1,75	-	0,66	1,50	1,88	0,17	0,69	1,24	1,37	0,35	0,63	4,16	-	0,13	0,77	-	11,13	0,08	-	0,03	0,00	0,59	-	0,24	-	9,25	0,63	0,28	-	-
	- Đất thủy lợi	DTL	5,20	0,06	0,05	-	0,16	0,40	-	0,00	0,04	-	0,05	-	-	0,05	-	1,71	0,17	-	1,98	0,00	-	-	-	0,10	-	0,26	-	0,14	-	0,14	0,01	-
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	D1VH	0,91	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,25	-	-	0,10	-	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,08	0,09	
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	D1GD	0,93	0,00	0,07	-	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	0,02	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,75	-	-	
	- Đất công trình năng lượng	D1NL	0,88	0,81	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,07	-	-	
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	D1BV	0,01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,01	
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,38	0,00	-	-	0,14	-	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,08	-	-
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	7,36	0,91	0,26	-	0,17	1,05	0,38	-	0,01	-	-	-	-	-	-	-	0,11	-	0,53	-	-	-	-	0,67	-	-	0,05	-	2,96	-	0,25	
	- Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,03	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Đất chợ	D1CH	0,02	-	0,02	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,24	-	0,09	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	123,84	6,63	7,35	-	0,78	5,66	2,97	0,35	3,66	-	1,51	3,98	-	12,25	0,43	0,18	3,43	-	27,61	0,20	0,07	0,01	0,28	8,44	-	-	0,70	-	34,63	1,46	1,34	
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,21	2,73	-	1,08	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,08	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,22	-	-
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,67	-	-
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	T1N	0,33	-	-	-	-	-	0,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,18	-	-	
2.14	Đất sông, suối, kênh, rạch, suối	SON	123,78	2,40	0,73	-	0,04	0,05	2,34	1,04	0,03	-	3,32	3,03	1,01	33,06	-	-	1,60	-	70,59	0,92	-	-	0,25	0,61	-	-	0,15	-	1,69	0,92	-	-



Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỨC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI HIỆN TRẠNG CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 339/QĐ-LBNĐ ngày 1 tháng 1 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích chuyển mục đích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																												Đơn vị tính: ha	
				Phường An Bình	Phường An Hòa	Phường Bình Đa	Phường Hòa Thọ	Phường Hòa Long	Phường Hiệp Hòa	Phường Hồ Nai	Phường Hòa An	Phường Hòa Bình	Phường Long Bình	Phường Long Bình Tân	Xã Long Hưng	Phường Phước Tân	Phường Quang Vinh	Phường Quyết Thắng	Phường Tân Hiệp	Phường Tân Hòa	Phường Tân Phước	Phường Tân Biên	Phường Tân Hạnh	Phường Tân Hiệp	Phường Tân Hòa	Phường Tân Xuân	Phường Tân Phong	Phường Tân Tiến	Phường Tân Văn	Phường Thanh Bình	Phường Thống Nhất		Phường Trưng Bội
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	976,46	9,04	69,59	0,78	37,30	79,09	55,58	1,38	13,18	0,60	66,03	16,08	0,20	209,80	2,80	3,00	11,25	-	280,53	8,40	13,95	1,34	0,71	6,96	27,76	0,72	18,34	0,24	37,87	3,94	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	56,59	-	-	-	-	0,74	4,77	-	-	-	-	-	-	1,07	-	-	-	-	41,26	-	8,75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LUC/PNN	1,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNRK/PNN	415,48	4,38	38,15	-	9,58	18,22	27,16	1,03	6,89	0,35	34,38	6,31	0,15	97,04	1,48	1,82	5,06	-	101,40	2,63	4,35	0,83	0,35	4,42	22,26	0,72	8,50	0,24	14,40	3,38	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLNP/PNN	445,54	3,58	18,45	0,10	24,34	56,07	15,43	0,35	4,41	0,25	31,05	4,79	-0,04	108,31	1,32	1,18	5,66	-	123,87	5,77	0,81	0,51	0,36	2,54	5,50	-	9,82	-	20,47	0,56	-
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	58,85	1,08	12,99	0,68	3,38	4,06	8,22	-	1,88	-	0,60	4,98	0,01	3,38	-	-	0,53	-	14,00	-	0,04	-	-	-	-	-	0,02	-	3,00	-	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	244,42	11,010	-	-	4,54	3,35	0,74	-	5,79	-	0,67	4,12	-	9,97	1,11	2,45	6,32	-	78,64	2,94	-	0,70	-	0,75	1,35	-	1,23	-	3,62	0,82	-

Chú ý: PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Ghi chú: PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

KẾ HOẠCH CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-LBNĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích chuyên mục đích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
				Phường An Bình	Phường Bình Đa	Phường Bình Hòa	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân

Ghi chú: PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.